

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 22-4-2021

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Ngọc Hương

Ông Nguyễn Nam Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Hoàng A, sinh ngày: 27/10/1987 tại Thanh Hóa. Hộ khẩu thường trú: P, phường U, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Đ, phường L, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Nghề Nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Tôn Giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Lê Huy H (chết). Mẹ: Lê Thị Hương Y, sinh 1961. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt từ ngày 15/01/2021. (Có mặt).

* *Bị hại:* Bùi Thanh N, sinh năm: 1981 và Trần Thị Phương T, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Thôn I, xã CHĐ, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. (Ông N vắng mặt; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Người làm chứng:*

1. Phan Thị Kim P, sinh năm: 1959; Nơi cư trú: Thôn VT, xã CPT, huyện L, tỉnh Khánh Hòa.

2. Nguyễn Duy B, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn O, xã CPĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Tất cả người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hoàng A và Nguyễn Thị Thu TH có mối quan hệ tình cảm. Trong quá trình tìm hiểu thì xảy ra mâu thuẫn.

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 20/9/2020, A điều khiển xe mô tô cầm theo 01 con dao bấm đến nhà chị TH để nói chuyện.

Khi đến đoạn đường bê tông gần nhà chị TH thuộc thôn O, xã CPĐ, thành phố R; A thấy xe ô tô 79A-177.91 của vợ chồng ông Bùi Thanh N và bà Trần Thị Phương T. Lúc này ông N đang điều khiển xe chở chị T và bà Phan Thị Kim P. A nghĩ chị Thảo ngồi trên xe ô tô nên A chặn xe lại yêu cầu N dừng xe hơi và mở cửa. N không mở cửa. A dùng chân đạp vào gương chiếu hậu bên trái làm gãy gương; A nhặt một cục đá đập vỡ cửa kính của trước bên trái, bên phải và dè nhựa chắn nước. N, T và P xuống xe. A nhìn vào trong ô tô không thấy TH. N và A xảy ra kinh cãi. A dùng dao đuôi đánh thì N bỏ chạy. Thấy vậy, bà T chạy theo can ngăn. N chạy vào nhà người dân nên A quay lại. A dùng tay giật tóc và cầm dao dí vào mặt bà T làm dao cắt trúng cẳng tay phải và lòng bàn tay phải bà T gây thương tích.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 100/HĐĐG ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: Thiệt hại xe ô tô 79A-177.91 gồm:

- Kính chắn gió thiệt hại: 13.723.900 đồng;
- Gương chiếu hậu bên trái thiệt hại: 8.173.000 đồng;
- Kính cửa trước bên trái và bên phải thiệt: 9.673.200 đồng;
- Dè chắn nước tại cửa xe bên phải thiệt hại: 90.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô 79A-177.91 là 31.624.100 đồng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 414/TgT-TTPY ngày 09/12/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tổng tỷ lệ % tổn thương cơ thể của Trần Thị Phương T là 02%.

Ngày 30/12/2020, bà T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Lê Hoàng A về hành vi gây thương tích. Ngày 03/3/2021, bà T rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 11/3/2021, Công an thành phố R ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 25/QĐ-XPHC quyền số: 01 đối với Lê Hoàng A vì đã thực hiện hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Ngày 11/3/2021, Lê Hoàng A đã nộp phạt vi phạm theo Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số 0178139.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSCR-HS ngày 29/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố bị cáo A về tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo A về điều khoản như trên của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm

d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo A; xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 22/4/2021, bị hại Trần Thị Phương T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật; bà T đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của bà T không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Bùi Thanh N và người làm chứng Phan Thị Kim P, Nguyễn Duy B; tuy nhiên những người này đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 20/9/2020, tại khu vực đường bê tông thuộc thôn O, xã CPĐ, thành phố R; Lê Hoàng A là người không có mâu thuẫn gì với vợ chồng ông Bùi ThA N và bà Trần Thị Phương T nhưng đã có hành vi vô cớ gây sự, đập phá xe ô tô 79A-177.91 của vợ chồng ông N, bà T gây thiệt hại 31.624.000 (Ba mươi một triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn) đồng.

Hành vi của bị cáo A có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 38/CT-VKSCR-HS ngày 29/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố bị cáo A về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc và hoang mang lo lắng trong cộng đồng dân cư. Bản thân bị cáo và người bị hại không có mâu thuẫn nhưng bị cáo lại vô cớ gây sự, gây thiệt hại đến tài sản của người bị hại nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2010, cha ruột bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương bảo vệ tổ quốc hạng ba ngày 06/8/2013 và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đề bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông N và bà T đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về vật chứng vụ án:* 01 cục đá kích thước 15 x 13 x 6 cm, 01 con dao bấm bằng kim loại, dài 20cm, cán gỗ màu nâu là công cụ phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

[5] *Về án phí:* Bị cáo A phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lê Hoàng A.

1. Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng A 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, thời hạn phạt tù tính từ ngày 15/01/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Bùi Thanh N và bà Trần Thị Phương T đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thiệt hại thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy 01 cục đá kích thước 15x13x6 cm, 01 con dao bấm bằng kim loại, dài 20cm, cán gỗ màu nâu. (Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R)

4. Về án phí: Bị cáo Lê Hoàng A phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo Lê Hoàng A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại ông Bùi Thanh N và bà Trần Thị Phương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Khánh Hòa
- VKSND t.p R;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an t.p R;
- Cơ quan thi hành án hình sự t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công